

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/DS - PT
Ngày: 29 – 12– 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm
nhân thọ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu;

Ông Trương Chí Trung

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Đức, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Võ Hồng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 15/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm nhân thọ*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/202021/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXPT – DS ngày 04/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 22/2021/QĐ – PT ngày 14/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐHPT – DS ngày 15/6/2021, Thông báo số 238/TB – TA ngày 14/7/2021 về việc hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thông báo số 673/TB – TA ngày 01/11/2021 về việc tiếp tục phiên tòa xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 90/2021/QĐHPT – DS ngày 29/11/2021, Thông báo số 35/TB – TA ngày 23/12/2021 về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa xét xử vụ án dân sự giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Thanh Th, sinh năm 1973;

Địa chỉ: số 132, đường B, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Bà Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là: bà Lê Thị Th Kiều, luật sư của Công ty Luật TNHH Một thành viên K, địa chỉ: số 300 đường L, phường H, quận H, TP Đà Nẵng.

2. *Bị đơn: Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ P ;*

Địa chỉ: Tầng 25 S, số 37, đường T, Quận Q, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Phương An và ông Nguyễn Thành Lu, là người đại diện theo ủy quyền, theo Văn bản ủy quyền số 08-07/04.21/legal ngày 07/4/2021 của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ P . Ông Lu có mặt, ông An vắng mặt không có lý do.

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Huy T;

Địa chỉ: số 90, đường N, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3.2. Ông Đặng Văn Ph, sinh năm 1998.

Địa chỉ: số 132, đường B, phường P, quận S, Đà Nẵng. Có đơn xin vắng mặt.

4. *Người kháng cáo: Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ P , là bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Thanh Thúy trình bày:*

Ông Đặng Văn H là chồng bà Trương Thị Thanh Th, là cha của ông Đặng Văn Ph. Ông H có mua bảo hiểm nhân thọ tử kỳ của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ P (gọi tắt là Công ty P) theo hợp đồng bảo hiểm số 74168535 ngày 12/6/2018, đại lý bảo hiểm tư vấn là ông Nguyễn Huy T.

Đến ngày 07/12/2019, ông H chết vì lý do ung thư phổi. Bà Th, ông Ph yêu cầu Công ty P giải quyết quyền lợi của người thụ hưởng thì Công ty P từ chối, cho rằng ông H không thông báo về tình trạng bệnh của ông khi nộp hồ sơ yêu cầu bảo hiểm. Công ty P thông báo:

1. Các sản phẩm bảo trợ Bảo hiểm nhân thọ có kỳ hạn và Bảo hiểm từ bỏ thu phí Người hôn phối và Người được bảo hiểm (02) được đình chỉ thực hiện. Theo đó, Pridental sẽ không giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho các sản phẩm này.

2. Prudential sẽ hoàn trả lại cho Người thụ hưởng số tiền 4.810.800 đồng (bốn triệu tám trăm mười ngàn tám trăm đồng) là tổng phí bảo hiểm đã được nộp cho các sản phẩm bảo trợ nêu trên.

Hiện hợp đồng 74168535 đang bị mất hiệu lực, nếu Quý khách muốn khôi phục hiệu lực hợp đồng vui lòng liên hệ trung tâm phục vụ khách hàng để được hướng dẫn thủ tục.”

Nguyên đơn cho rằng: Tại Mục 7: Trong vòng 5 năm vừa qua, NĐBH có phải điều trị nội hoặc ngoại trú tại bệnh viện hoặc trung tâm y khoa nào? Nếu có vui lòng cho biết chi tiết thì đã được ông H đánh dấu vào cột “có”. Đồng thời các nội dung về tình trạng bệnh không được đại lý bảo hiểm giải thích rõ. Nguyên đơn yêu cầu: Buộc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ P giải quyết quyền lợi bảo hiểm của Hợp đồng dành cho người được bảo hiểm bổ sung 1 là ông Đặng Văn H tử vong đối với sản phẩm bảo trợ bảo hiểm nhân thọ có kỳ hạn là 100.000.000 đồng; buộc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ P giải quyết quyền lợi bảo hiểm của Hợp đồng dành cho người được bảo hiểm bổ sung 1 là ông Đặng Văn H đối với bảo hiểm từ bỏ thu phí người hôn phối

** Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Ông H có điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính tại Bệnh viện Đ nhưng việc nhập viện điều trị này đã không được ông H khai báo khi mua bảo hiểm, cụ thể ông H khai báo mình bị bệnh viêm phế quản chứ không phải là bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính như thực tế. Công ty P đã từ chối bồi thường theo điều 12.2a của Hợp đồng bảo hiểm số 74168535, Điều 19 của Luật kinh doanh bảo hiểm. Do đó, Công ty P có ý kiến như sau:

Đối với Hợp đồng bảo hiểm số 74168535 thì đã phát sinh hiệu lực ngay thời điểm ký kết là ngày 08/6/2018 cho đến ngày 04/4/2020 thì chấm dứt một phần hợp đồng liên quan đến ông H. Hiện tại, toàn bộ Hợp đồng bảo hiểm số 74168535 đang bị mất hiệu lực do khách hàng không thực hiện việc đóng phí.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì Công ty P không đồng ý.

Người liên quan ông Nguyễn Huy T trình bày: Thời điểm yêu cầu bảo hiểm, ông H cung cấp thông tin sức khỏe chỉ nằm viện do viêm phế quản khoảng 5 ngày ở Bệnh viện đa khoa Đà Nẵng và không còn giấy tờ. Ông đã lập hồ sơ kê khai đúng yêu cầu của Công ty P và khách hàng cung cấp. Ông thống nhất với ý kiến của bị đơn.

Đối với bảng câu hỏi về sức khỏe thì ông là người đánh dấu vào các ô có hoặc không, dựa vào thông tin kê khai của khách hàng.

Người liên quan là ông Đặng Văn Ph đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Lý Vinh Hoàng trình bày:

Thứ nhất, Hợp đồng đã được giao kết, được thực hiện.

Thứ hai, Hợp đồng có hiệu lực vì: Phía Công ty Bảo hiểm P đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm; Nhân viên tư vấn của Công ty Bảo hiểm P không làm đúng trách nhiệm về những thiếu sót trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, Tư vấn viên tự ý hoàn thiện hồ sơ yêu cầu bảo hiểm cho khách hàng, về nội dung của hồ sơ yêu cầu bảo hiểm hoàn toàn sai lệch do ông Tân tự ý kê khai; Ông H không hề có lỗi trong việc trình bày thông tin sức khỏe cho nhân viên tư vấn, ông H không vi phạm nghĩa vụ khai báo; Đại diện Công ty Bảo hiểm P cho rằng nếu biết được ông H bị bệnh tắc nghẽn mạn tính thì Công ty Bảo hiểm P sẽ không chấp nhận bảo hiểm cho ông H là chủ quan, tư duy đổ lỗi không có cơ sở.

Thứ ba, áp dụng tinh thần Án lệ số 22/2018/AL về không vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin tình trạng bệnh lý trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đề nghị Toà án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Thanh Th.

Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/202021/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 404, 405 của Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 18, 19, 21 của Luật Kinh doanh Bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010;

- Án lệ số 22/2018/AL do Hội Đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thông qua và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06/11/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao;

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*” của nguyên đơn bà Trương Thị Thanh Th đối với bị đơn Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ P ;

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ P phải chịu trách nhiệm chi trả cho bà Trương Thị Thanh Th, ông Đặng Văn Ph số tiền bảo hiểm là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

2. Hợp đồng bảo hiểm số 74168535 ngày 12/6/2018 gói bảo hiểm Phú Bảo Gia Thịnh Vượng vẫn tiếp tục thực hiện và được giải quyết quyền lợi đáo hạn cho bà Trương Thị Thanh Th, ông Đặng Văn Ph còn sống vào ngày đáo hạn.

3. Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và có sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu lãi chậm thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Ngày 27 tháng 01 năm 2021, Công ty Bảo hiểm P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng bản án không thỏa đáng, có nhiều nội dung không phù hợp với tình tiết khách quan, ảnh hưởng đến quyền lợi của P. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm, sửa toàn bộ bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Công ty Bảo hiểm P trình bày kháng cáo như sau:

Thứ nhất, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định về câu hỏi số 5 và câu hỏi số 7 trong bản câu hỏi đính kèm hồ sơ yêu cầu bảo hiểm là mâu thuẫn, ông H luôn được tư vấn viên hướng dẫn và giải thích về các nội dung của hồ sơ yêu cầu.

Thứ hai ông H phải biết và có trách nhiệm cung cấp thông tin đầy đủ chính xác bất kỳ bệnh nào đã được điều trị trong thời gian 5 năm. Prudential dựa vào các thông tin do khách hàng cung cấp để chấp nhận bảo hiểm. Ông H vi phạm nguyên tắc trung thực tuyệt đối.

Thứ ba, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Án lệ số 22/2018/AL là không phù hợp vì câu hỏi số 7 trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm của Prudential không liệt kê bệnh cụ thể như nội dung tranh chấp tại Án lệ này.

Đại diện Công ty P yêu cầu Tòa án tuyên bố đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm, giải quyết H quả Công ty P thu phí đến thời điểm đình chỉ và không chi trả bảo hiểm theo yêu cầu của ông Phước và bà Th, theo câu 6 mục IV Công văn số 212 của Tòa án nhân dân tối cao.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty P, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/202021/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự gồm nguyên đơn bà Trương Thị Thanh Th, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn Ph, ông Nguyễn Huy T nhưng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay. Bà Th, ông Phước có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tiếp tục tiến hành phiên tòa, xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Trương Thị Thanh Th có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp hợp đồng bảo hiểm và khởi kiện với tư cách là người thừa kế theo pháp luật của ông Đặng Văn H là không đúng. Theo hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và Hợp đồng bảo hiểm số 74168535 ngày 12/6/2018 thì người thụ hưởng trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm là ông Đặng Văn Ph (con ông H). Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 17 Luật Kinh doanh bảo hiểm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2010 thì “doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm kịp thời cho người thụ hưởng khi xảy ra sự kiện bảo hiểm”. Căn cứ quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 8, 10 Điều 3 Luật Kinh doanh bảo hiểm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2010 thì ông Đặng Văn Ph mới có quyền khởi kiện. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, ông Phước có các đơn trình bày ngày 13/7/2021 và ngày 27/12/2021 về

việc hiện nay ông còn đi học, đang được mẹ (bà Th) nuôi dưỡng, đồng thời ông chuyển giao toàn bộ quyền yêu cầu, quyền khởi kiện cho bà Th, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 365 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, bà Th có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự. Việc chuyển giao quyền yêu cầu không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ là Công ty Bảo hiểm P.

Về nội dung:

[3] Ông Đặng Văn H có mua và đã đóng phí bảo hiểm đầy đủ cho Hợp đồng bảo hiểm số 74168535 ngày 12/6/2018, có hiệu lực kể từ ngày 08/6/2018. Ngày 12/6/2018, Công ty P phát hành Giấy chứng nhận bảo hiểm nhân thọ cho người mua bảo hiểm Đặng Văn H, người được bảo hiểm: bà Trương Thị Thanh Th, ông Đặng Văn H, ông Đặng Văn Ph, người thụ hưởng được chỉ định hợp lệ trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm hoặc trong Thư xác nhận điều chỉnh/bổ sung Người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm gần nhất (nếu có), sản phẩm bảo hiểm chính: (nhóm 1) có quyền lợi bảo hiểm chết và tàn tật do tai nạn mở rộng, người được bảo hiểm: 03 người (ông H, bà Thuý, ông Ph) số tiền bảo hiểm: 100.000.000đ; (nhóm 2) có Bảo hiểm từ bỏ thu phí Người hôn phối, người được bảo hiểm: 02 người (ông H, bà Th) phí bảo hiểm định kỳ: 866.400đ. Quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính và (các) sản phẩm bổ trợ, được chi trả khi sự kiện bảo hiểm xảy ra với người được bảo hiểm tương ứng (BL75). Kèm theo Giấy chứng nhận bảo hiểm là Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm do Prudential ban hành.

[4] Theo mục 9.1 Quy tắc này thì ngoài các trường hợp loại trừ theo Điều 11 của Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm, trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, nếu người được bảo hiểm bị tử vong thì Prudential sẽ trả số tiền bảo hiểm của bảo hiểm chính ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm, giá trị quỹ của hợp đồng, các chi phí hợp lý và các khoản nợ (nếu có). Ngày 07/12/2019, ông H chết do ung thư phổi. Như vậy sự kiện bảo hiểm đã xảy ra trong thời hạn hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Sự kiện bảo hiểm này không thuộc trường hợp bị loại trừ theo mục 11.1 Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm.

[5] Bị đơn Công ty P cho rằng: theo quy định tại Điều 12.2a của Hợp đồng bảo hiểm số 74168535, có nội dung: *“Kê khai chính xác các thông tin cần thiết: Bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và kê khai trung thực, chính xác các thông tin theo yêu cầu của Prudential. Tùy từng trường hợp, Prudential có thể thẩm định sức khỏe, nghề nghiệp của người được bảo hiểm. Tuy nhiên, việc thẩm định, nếu có, không thay thế cho nghĩa vụ phải cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và trung thực của Bên mua bảo hiểm và người được*

bảo hiểm theo quy định của điều này. Hợp đồng bảo hiểm, hoặc yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm, hoặc yêu cầu tăng số tiền bảo hiểm sẽ bị hủy bỏ trong trường hợp Bên mua bảo hiểm cung cấp, kê khai không chính xác, không trung thực hoặc thiếu sót các thông tin quan trọng mà nếu biết được các thông tin này, Prudential đã không chấp nhận bảo hiểm. Trong các trường hợp này, Prudential sẽ không giải quyết bất cứ quyền lợi bảo hiểm nào và sẽ chi trả:”.

[6] Tại Thư báo ngày 04/4/2020 gửi bà Th và tại Toà án, Công ty P cho rằng: “Vào ngày 08/6/2018, Prudential đã nhận được hồ sơ yêu cầu bảo hiểm nhân thọ số 210173544 khách hàng Đặng Văn H lập. Trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm này, ngoài câu 7, câu 9b, các câu hỏi về tình hình sức khỏe và quá trình điều trị của Người được bảo hiểm (02) đều được khai “không”.

Căn cứ lời khai trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm như nêu trên, Prudential đã chấp nhận bảo hiểm và cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm nhân thọ số 74168535, có hiệu lực từ ngày 08/6/2018.

Qua thông tin do cơ quan hữu quan cung cấp, Prudential được biết Người được bảo hiểm (02) đã nhập viện tại Bệnh viện Đà Nẵng từ ngày 08/12/2017 đến ngày 18/12/2017 với chẩn đoán: Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính - Đo chức năng hô hấp: Hội chứng tắc nghẽn mức độ nặng và từ ngày 30/04/2018 đến 15/05/2018 với chẩn đoán: Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính đợt cấp. Tuy nhiên, những thông tin này đã không được Bên mua bảo hiểm thông báo cho Prudential khi nộp hồ sơ yêu cầu bảo hiểm vào ngày 08/6/2018 theo quy định tại điều 12.2a của hợp đồng bảo hiểm nêu trên.

Do đó, căn cứ theo Điều 19 của Luật Kinh doanh bảo hiểm, chúng tôi xin thông báo:

1. Các sản phẩm bồi trợ Bảo hiểm nhân thọ có kỳ hạn và Bảo hiểm Từ bỏ thu phí Người hôn phối đối với Người được bảo hiểm (02) được đình chỉ thực hiện. Theo đó, Prudential sẽ không giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho các sản phẩm này.

2. Prudential sẽ hoàn trả lại cho Người thụ hưởng số tiền 4.810.800 đồng (bốn triệu tám trăm mười ngàn tám trăm đồng) là tổng phí bảo hiểm đã được nộp cho các sản phẩm bồi trợ nêu trên.

3. Hiện hợp đồng 74168535 đang bị mất hiệu lực, nếu Quý khách muốn khôi phục hiệu lực hợp đồng vui lòng liên hệ Trung tâm phục vụ khách hàng để được hướng dẫn thủ tục.”

Như vậy, Công ty P không phản đối sự kiện bảo hiểm thuộc phạm vi bảo hiểm mà cho rằng Hợp đồng bảo hiểm số 74168535 không phát sinh hiệu lực do ông H kê khai không trung thực. Bà Th gửi đơn yêu cầu giải quyết bồi thường bảo hiểm vì ông H chết, số tiền yêu cầu bảo hiểm là 100.000.000 đồng và số tiền phí bảo hiểm mà bà Th được từ bỏ thu phí từ thời điểm ông H chết về sau là 294.835.000 đồng nhưng không được Prudential giải quyết, do đó bà Thuý khởi kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty P đề nghị Tòa án đình chỉ hợp đồng bảo hiểm và giải quyết H quả của việc đình chỉ thực hiện hợp đồng theo hướng dẫn tại mục 6 phần IV Công văn số 212/TANDTC – PC ngày 13/9/2019 về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy:

[7.1] Tại câu hỏi số 5 Mục E thông tin sức khỏe người được bảo hiểm ông Đặng Văn H đánh dấu vào ô không thì câu hỏi này không liệt kê các bệnh về phổi. Đại diện Prudential cho rằng tư vấn viên đã giải thích rõ, ông H phải ghi vào ô các bệnh khác trong vòng 5 năm nhưng không khẳng định tư vấn viên có yêu cầu ông H ghi rõ bệnh về phổi mà ông H mắc là bệnh gì hay không. Tư vấn viên Nguyễn Huy T có trình bày đã giải thích nhưng không khẳng định có yêu cầu ông H ghi rõ bệnh khác tại mục o câu số 5 là bệnh gì? Về phía bà Th, ông Ph không đồng ý với trình bày của Prudential và ông Tân, cho rằng ông H có nói về bệnh phổi đã được điều trị dài ngày tại bệnh viện nhưng vì không hiểu biết hết nên được ông T hướng dẫn là ghi bệnh phổi: viêm phế quản. Tiếp theo đến số 7 Mục E về thông tin sức khỏe người được bảo hiểm ghi: *“Trong vòng 5 năm vừa qua, NDBH (người được bảo hiểm) có phải điều trị nội hoặc ngoại trú tại bệnh viện hoặc trung tâm y khoa nào? Nếu có, vui lòng cho biết chi tiết: lúc nào, tên bệnh viện, lý do, bao lâu?”* thì được đánh dấu vào ô “có”. Người mua bảo hiểm là ông H đánh dấu vào ô “có” và Công ty P cũng xác nhận ông H đánh dấu vào ô “có” (BL17). Tại câu số 16, có nội dung: *“ông Đặng Văn H được chuẩn đoán bệnh Viêm phế quản vào khoảng tháng 2 năm 2017 – BV Đa Khoa Đà Nẵng”*. Như vậy, ông H có kê khai tình trạng bệnh về phổi và việc điều trị tại bệnh viện. Tư vấn viên bảo hiểm đã nghe kê khai tình trạng bệnh và phải điều trị tại bệnh viện của ông H nhưng không yêu cầu ông H ghi rõ, làm rõ tình trạng bệnh có nghiêm trọng hay không nghiêm trọng. Sau khi tiếp nhận hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, Công ty P cũng không làm rõ việc điều trị của ông H tại bệnh viện mà theo xác nhận của đại diện Công ty P tại phiên tòa thì Công ty P hoàn toàn có thể thực hiện được việc xác minh, thu thập bản sao hồ sơ bệnh án của người được bảo hiểm bằng nghiệp vụ. Lời trình bày của bà Th về việc ông H có kê khai

bệnh nhưng được tư vấn viên hướng dẫn ghi bệnh viêm phế quản có điều trị tại bệnh viện để được chấp nhận bảo hiểm là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án.

[7.2] Mặt khác, Điều 12.2a của Hợp đồng bảo hiểm số 74168535 có nội dung: *“Bên mua bảo hiểm cung cấp, kê khai không chính xác, không trung thực hoặc thiếu sót các thông tin quan trọng mà nếu biết được các thông tin này, Prudential đã không chấp nhận bảo hiểm”*. Tuy nhiên, các thông tin này là thông tin nào, việc kê khai như thế nào được xem là không trung thực, thiếu sót thì không được Prudential giải thích rõ. Khoản 2 Điều 405 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Trong trường hợp hợp đồng theo mẫu có điều khoản không rõ ràng thì bên đưa ra hợp đồng theo mẫu phải chịu bất lợi khi giải thích điều khoản đó”*. Điều 21 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định: *“Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm có điều khoản không rõ ràng thì điều khoản đó được giải thích theo hướng có lợi cho bên mua bảo hiểm”*. Vậy ông H đã kê khai thông tin có bệnh tật liên quan đến phổi, đã điều trị tại bệnh viện, phù hợp với xác minh của Prudential tại Thư báo ngày 04/4/2020 được xem là đã kê khai thông tin theo mục 12.1 Quy tắc bảo hiểm do Prudential phát hành.

[7.3] Tại Điều 12.2a của Hợp đồng bảo hiểm số 74168535, Công ty P có nội dung: *“Tùy từng trường hợp, Prudential có thể thẩm định sức khỏe, nghề nghiệp của người được bảo hiểm”*. Việc Prudential không tiến hành thẩm định, xác minh mà vẫn cấp bảo hiểm cho người được bảo hiểm thuộc về trách nhiệm của Prudential. Đại diện Prudential yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét nguyên tắc trung thực tuyệt đối trong bảo hiểm và bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính là nguyên nhân tử vong hàng đầu theo Quyết định số 4562/QĐ – BYT của Bộ Y tế nên nếu Prudential biết thì sẽ không chấp nhận bảo hiểm. Theo Quyết định số 4562/QĐ – BYT ngày 19/7/2018 của Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu chuyên môn “hướng dẫn chuẩn đoán và điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính”, tại chương I, mục 1.2 Chuẩn đoán thì viêm phế quản là một trong các dấu hiệu định hướng để xác định bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính. Prudential đã biết tình trạng bệnh của ông H nhưng không làm rõ, thu phí và thực hiện hợp đồng bảo hiểm với ông H cho đến sau khi xảy ra sự kiện bảo hiểm thì từ chối bảo hiểm với lý do ông H kê khai không trung thực là không đúng.

[7.4] Trách nhiệm chi trả bảo hiểm của Prudential cho người thụ hưởng của ông H đã phát sinh. Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm của bà Th, cụ thể như sau:

Giải quyết quyền lợi bảo hiểm chính khi người được bảo hiểm tử vong: Buộc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ P phải trả cho bà Trương Thị Thanh Th, ông Đặng Văn Ph số tiền bảo hiểm là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Giải quyết quyền lợi bảo hiểm từ bỏ thu phí bảo hiểm mở rộng: Hợp đồng bảo hiểm số 74168535 ngày 12/6/2018 gói bảo hiểm Phú Bảo Gia Thịnh Vượng tiếp tục thực hiện và được giải quyết quyền lợi đáo hạn cho bà Trương Thị Thanh Th, ông Đặng Văn Ph còn sống vào ngày đáo hạn. Bà Trương Thị Thanh Th được miễn đóng phí bảo hiểm còn lại, từ thời điểm ông H chết về sau, của Hợp đồng bảo hiểm số 74168535 ngày 12/6/2018.

Tại phiên tòa, đại diện Prudential yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hợp đồng là không phù hợp về phạm vi giải quyết vụ án dân sự tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự do yêu cầu này không được Prudential đưa ra trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời cũng không có cơ sở chấp nhận theo các lý lẽ đã phân tích trên.

[8] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ P phải trả cho cả bà Trương Thị Thanh Th, ông Đặng Văn Ph số tiền bảo hiểm, và giải quyết quyền lợi bảo hiểm của người hôn phối là đúng thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm, quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Kinh doanh bảo hiểm và Án lệ số 22/2018/AL.

Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm tuyên các bên tiếp tục thực hiện hợp đồng bảo hiểm là chưa phù hợp với phạm vi khởi kiện. Tuy nhiên, để bảo vệ quyền lợi của người được bảo hiểm khi Công ty bảo hiểm đơn phương tuyên bố chấm dứt hợp đồng bảo hiểm, Tòa án quyết định Hợp đồng bảo hiểm số 74168535 ngày 12/6/2018 vẫn tiếp tục thực hiện và được giải quyết quyền lợi đáo hạn cho bà Trương Thị Thanh Th, ông Đặng Văn Ph còn sống vào ngày đáo hạn là cần thiết, triệt để, tránh phát sinh tranh chấp mới.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên “Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và có sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền” là không cần thiết, nghĩa vụ thi hành án dân sự đã được Luật thi hành án dân sự quy định chi tiết. Mặc khác sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án vào bất kỳ thời điểm nào, các bên đương sự cũng có quyền thỏa thuận về thời điểm thi hành án.

[9] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phù hợp với phân tích nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo nên Công ty P phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148; khoản 3 Điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 365, 404, 405 của Bộ Luật dân sự năm 2015;
- Điều 17, 18, 21 của Luật Kinh doanh Bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010;
- Án lệ số 22/2018/AL do Hội Đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thông qua và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06/11/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao;
- Khoản 1, 3, 5 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ P ;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/202021/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*” của nguyên đơn bà Trương Thị Thanh Th đối với bị đơn Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ P :

Buộc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ P phải trả cho bà Trương Thị Thanh Th, ông Đặng Văn Ph số tiền bảo hiểm là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Hợp đồng bảo hiểm số 74168535 ngày 12/6/2018 gói bảo hiểm Phú Bảo Gia Thịnh Vượng tiếp tục thực hiện và được giải quyết quyền lợi đáo hạn cho bà

Trương Thị Thanh Th, ông Đặng Văn Ph còn sống vào ngày đáo hạn. Bà Trương Thị Thanh Th được miễn đóng phí bảo hiểm còn lại, từ thời điểm ông H chết về sau, của Hợp đồng bảo hiểm số 74168535 ngày 12/6/2018.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Án phí dân sự:

4.1. Án phí sơ thẩm:

a. Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

b. Bà Trương Thị Thanh Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả cho bà Trương Thị Thanh Th số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 6092 ngày 29/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

4.2. Án phí phúc thẩm: Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ P phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu số ngày 04/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ P thi hành xong phần án phí phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Việt Dũng